

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án: “Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đầu giá
QSD đất Dục Tú 4, xã Dục Tú, huyện Đông Anh”**

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Môi trường; Khuyến nông; Thủy lợi; Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Tài nguyên nước; Môi trường; Địa chất và khoáng sản; Ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-SNNMT ngày 06/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Quy chế làm việc của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; Quyết định số 135/QĐ-SNNMT ngày 14/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các Phòng và tương đương thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; Quyết định số 260/QĐ-SNNMT ngày 02/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phân công nhiệm vụ giữa Giám đốc Sở và các Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đầu giá QSD đất Dục Tú 4, xã Dục Tú, huyện Đông Anh của Trung tâm Phát triển quỹ

đất huyện Đông Anh tại Văn bản số 1111/TTQĐ-ĐT&PTHT ngày 28/5/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đấu giá QSD đất Dục Tú 4, xã Dục Tú, huyện Đông Anh” (sau đây gọi là Dự án) của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh (sau đây gọi là Chủ dự án đầu tư), thực hiện tại xã Dục Tú, huyện Đông Anh với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - Chủ tịch UBND Thành phố;
 - Giám đốc Sở;
 - PGĐ Sở Nguyễn Anh Quân;
 - Phòng Quản lý môi trường;
 - Văn phòng Sở (để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở);
 - UBND huyện Đông Anh;
 - Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh;
 - UBND xã Dục Tú;
 - Lưu: VT, HS, QLMT.
- H26.14-250328-0002/7390.

(để b/cáo)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Anh Quân

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“XÂY DỰNG HOÀN THIỆN HTKT THEO QUY HOẠCH KẾT HỢP ĐẦU GIÁ QSD
ĐẤT DỤC TÚ 4, XÃ DỤC TÚ, HUYỆN ĐÔNG ANH”**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT ngày / /2025
của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đầu giá QSD đất Dục Tú 4, xã Dục Tú, huyện Đông Anh.

- Địa điểm thực hiện Dự án: xã Dục Tú, huyện Đông Anh.

- Chủ dự án đầu tư: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh.

Địa chỉ: Số 14 Tổ 4, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Nhóm dự án: Nhóm B. Tổng mức đầu tư: dự kiến 300.816.280.000 đồng.

- Tiến độ thực hiện Dự án: Năm 2025 - 2028.

Dự án được thực hiện theo Quyết định số 10358/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

1.2. Quy mô, công suất

Theo Quyết định số 10358/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, quy mô của Dự án như sau: Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đầu giá QSD đất Dục Tú 4, xã Dục Tú, huyện Đông Anh với các hạng mục: san nền, xây dựng đường giao thông; hệ thống thoát nước, cấp nước, cấp điện; hệ thống phòng cháy chữa cháy; cây xanh... với diện tích toàn dự án khoảng 12,0 ha.

1.3. Phạm vi dự án

a) Phạm vi, ranh giới: Phía Bắc trùng chỉ giới đường đỏ tuyến đường quy hoạch có mặt cắt B=25m và giáp dự án Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất Dục Tú 2, xã Dục Tú, huyện Đông Anh; Phía Đông trùng chỉ giới đường đỏ tuyến đường nối từ cầu Tứ Liên đến Quốc lộ 3 mới có mặt cắt B=60m; Phía Nam giáp khu dân cư thôn Phúc Hậu; Phía Tây Nam trùng chỉ giới đường đỏ tuyến đường Gia Lương có mặt cắt B=25m.

b) Căn cứ theo Văn bản số 505/CV-KT,HT&ĐT-2025 ngày 21/3/2025 của Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị huyện Đông Anh về việc xác nhận sự phù hợp bản vẽ Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Dự án và bản vẽ kèm theo:

Tổng diện tích dự án lập quy hoạch tổng mặt bằng: 118.696m², trong đó:

- Đất ở liền kề (ký hiệu LK) diện tích đất 12.176m², chiếm tỷ lệ 10,26%, diện tích xây dựng 9.443m², tổng diện tích sàn xây dựng 28.329m², tầng cao tối đa 3 tầng, quy mô dân số 508 người; bao gồm 15 ô đất ở liền kề (ký hiệu từ LK17 đến LK21 và từ LK24 đến LK33), trong đó có 02 ô đất liền kề (ký hiệu LK21 và LK24) được thực hiện theo dự án riêng (ô đất của người dân hiện trạng).

- Đất công cộng đơn vị ở (ký hiệu CC): diện tích đất 12.420m², tỷ lệ 10,46%, bao gồm:

+ Đất trung tâm thương mại, dịch vụ (ký hiệu CC01) diện tích đất 9.718m², diện tích xây dựng 3.806m², mật độ xây dựng 39,16%, diện tích sàn xây dựng 6.356m², hệ số sử dụng đất 0,65 lần, tầng cao tối đa 02 tầng.

+ Đất nhà văn hoá thôn Phúc Hậu 2 (ký hiệu CC04) diện tích đất 1.596m², diện tích xây dựng 615m², mật độ xây dựng 38,53%, diện tích sàn xây dựng 1.230m², hệ số sử dụng đất 0,77 lần, tầng cao tối đa 02 tầng.

+ Đất nhà văn hoá thôn Phúc Hậu 1 (ký hiệu CC05) diện tích đất 1.106m², diện tích xây dựng 413m², mật độ xây dựng 37,34%, diện tích sàn xây dựng 826m², hệ số sử dụng đất 0,75 lần, tầng cao tối đa 02 tầng.

- Đất trường mầm non Dục Tú (MG2) có diện tích đất 4.493m², diện tích xây dựng 1.645m², diện tích sàn xây dựng 3.290m², mật độ xây dựng 29,31%, hệ số sử dụng đất 0,59 lần, tầng cao tối đa 2 tầng, quy mô trẻ 122 trẻ em.

- Đất cây xanh đơn vị ở, nhóm ở (ký hiệu CX): diện tích đất 24.122m², tỷ lệ 20,32%, diện tích xây dựng 1.106m², diện tích sàn xây dựng 1.106m², hệ số sử dụng đất 0,05 lần, tầng cao tối đa 01 tầng, bao gồm 06 ô đất:

+ Đất cây xanh CX04 (CX04) diện tích 454m²;

+ Đất cây xanh CX05 (CX05) diện tích 6.565m², diện tích xây dựng 328m², mật độ xây dựng 5%, diện tích sàn xây dựng 328m², tầng cao tối đa 01 tầng, hệ số sử dụng 0,05 lần.

+ Đất cây xanh CX06 (CX06) diện tích 8.663m², diện tích xây dựng 433m², mật độ xây dựng 5%, diện tích sàn xây dựng 433m², tầng cao tối đa 01 tầng, hệ số sử dụng 0,05 lần.

+ Đất cây xanh CX07 (CX07) diện tích 6.898m², diện tích xây dựng 345m², mật độ xây dựng 5%, diện tích sàn xây dựng 345m², tầng cao tối đa 01 tầng, hệ số sử dụng 0,05 lần.

+ Đất cây xanh CX08 (CX08) diện tích 643m².

+ Đất cây xanh CX09 (CX09) diện tích 899m².

- Đất bãi đỗ xe (ký hiệu P), diện tích đất 10.738m², tỷ lệ 9,05%, bao gồm 2 ô đất:

+ Đất bãi đỗ xe P03 (ký hiệu P03) diện tích 4.898m², diện tích xây dựng 2.812m², mật độ xây dựng 57,41%, diện tích sàn xây dựng 8.436m², tầng cao tối đa 03 tầng, hệ số sử dụng 1,72 lần.

+ Đất bãi đỗ xe P04 (ký hiệu P04) diện tích 5.840m², diện tích xây dựng 3.912m², mật độ xây dựng 66,99%, diện tích sàn xây dựng 11.736m², tầng cao tối đa 03 tầng, hệ số sử dụng 2,01 lần

- Đất đường giao thông diện tích đất 54.747m², tỷ lệ 46,12%, bao gồm:

+ Đường giao thông đô thị và khu vực có diện tích 32.112m², chiếm tỷ lệ 27,05%, mặt cắt đường từ 21,25 đến 25m.

+ Đường giao thông phân khu vực có diện tích 3.864m², chiếm tỷ lệ 3,26%, mặt cắt đường từ 4 - 14m.

+ Đường giao thông nhóm nhà ở, lối vào nhà có diện tích 18.771m², chiếm tỷ lệ 15,81%, mặt cắt đường từ 11 - 17m.

* Phạm vi đánh giá tác động môi trường không bao gồm hoạt động xây dựng: nhà ở liền kề (từ LK17 đến LK21 và từ LK24 đến LK33), xây dựng công trình tại khu đất công cộng đơn vị ở (CC), bãi đỗ xe (P), trường mầm non Dục Tú (MG2); hạ tầng kỹ thuật ô đất cây xanh đơn vị ở, nhóm ở (CX04, CX05, CX06, CX07, CX08 và CX09) và trồng cây tại các khu đất cây xanh thuộc phạm vi Dự án. Các hạng mục này sẽ thực hiện theo

dự án riêng được cấp có thẩm quyền phê duyệt cụ thể ở các giai đoạn sau. Dự án chỉ tiến hành thực hiện xây dựng, hoàn thiện phần hạ tầng kỹ thuật xung quanh ranh giới dự án và bố trí chờ đầu nối hạ tầng kỹ thuật (cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc, thoát nước mưa, thoát và xử lý nước thải).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án

- Phạm vi san nền: San nền khu đất xây dựng có diện tích khoảng 115.010m² (không san nền 02 ô đất công cộng đơn vị ở bao gồm ô đất nhà văn hoá thôn Phúc Hậu 2 (ký hiệu CC04) và ô đất nhà văn hoá thôn Phúc Hậu 1 (ký hiệu CC05) tổng diện tích đất 2.702m²; 02 ô đất ở liền kề hiện trạng (LK21, LK24) có diện tích đất 984m²).

- Xây dựng hệ thống đường giao thông nội bộ bao gồm các tuyến đường nội bộ và khớp nối giao thông nội bộ trong khu đất dự án với hệ thống giao thông của khu vực xung quanh dự án.

- Xây dựng hệ thống cấp, thoát nước và PCCC; hệ thống cấp điện và điện chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống cây xanh,... đồng bộ và khớp nối hạ tầng kỹ thuật với khu vực thực hiện dự án.

- Hoàn trả kênh mương theo Văn bản số 77/UBND-ĐC ngày 13/3/2025 của UBND xã Dục Tú về thỏa thuận đầu nối điểm thoát nước và phương án hoàn trả hệ thống kênh mương thủy lợi thực hiện dự án.

- Các công trình phụ trợ phục vụ hoạt động thi công (văn phòng làm việc, nhà bảo vệ,...).

1.4.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Chủ dự án đầu tư yêu cầu nhà thầu thi công bố trí 02 công trường thi công, mỗi công trường gồm các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- Nhà vệ sinh di động; thiết bị chuyên dụng lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải xây dựng.

- Cầu rửa xe, hồ lắng có bố trí vải lọc dầu để thu gom, xử lý nước thải rửa xe.

- Thi công tuyến rãnh kết hợp hồ lắng cạnh để thoát nước tạm trên công trường thi công.

- 01 Kho và các thiết bị chuyên dụng lưu chứa chất thải nguy hại chung cho 02 công trường thi công.

b) Giai đoạn vận hành

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải công suất 135m³/ngày đêm kèm theo hệ thống xử lý mùi cho hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, đặt ngầm tại ô đất cây xanh (CX05) của Dự án để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh tại các ô đất liền kề (LK17 đến LK33), ô đất công cộng đơn vị ở (CC) và ô đất trường mầm non (MG2) của dự án (Theo Văn bản số 1120/UBND-KTHT-&ĐT ngày 05/4/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc thống nhất đề xuất đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải của 09 dự án đầu tư công trên địa bàn huyện Đông Anh).

- 01 kho lưu giữ và các thùng chứa chất thải nguy hại bố trí cạnh hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án (tại ô đất cây xanh CX05 của Dự án), với diện tích khoảng 10m².

1.4.3. Các hoạt động của Dự án

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Đền bù và giải phóng mặt bằng: Diện tích chiếm dụng đất của Dự án 118.696m²; diện tích đền bù, giải phóng mặt bằng 115.010m² (không thu hồi, giải phóng mặt bằng 2 ô đất công cộng đơn vị ở bao gồm ô đất nhà văn hoá thôn Phúc Hậu 2 (ký hiệu CC04) diện tích đất 1.596m² và ô đất nhà văn hoá thôn Phúc Hậu 1 (ký hiệu CC05) diện tích đất 1.106m²; 02 ô đất ở liền kề hiện trạng LK21 và LK24 có diện tích 984m²), trong đó: diện tích đất trồng lúa 2 vụ khoảng 105.244m², đất nương nội đồng (đất công) khoảng 2.350m², đất đường giao thông (đường đất + đường bê tông xi măng) khoảng 8.400m².

- Rà phá bom mìn, san nền, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công, hoạt động thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển chất thải đi đổ thải, hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng; xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án.

b) Giai đoạn vận hành:

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật của dự án phục vụ người dân tại các ô đất liền kề (127 lô tương ứng với khoảng 508 người dân), hoạt động của trường mầm non (MG2), hoạt động của người dân tại khu công cộng đơn vị ở (CC), các khu cây xanh (CX), bãi đỗ xe (P), tuyến đường nội bộ,...

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Diện tích đất trồng lúa nước 02 vụ được thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án là 105.244 m² tại xã Dục Tú. Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Quá trình thi công các hạng mục nêu tại mục 1.4 và quá trình hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường gồm:

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Tác động của các hộ dân mất đất nông nghiệp là đất lúa 02 vụ khoảng 105.244m², thu hồi đất kênh nương, thu hồi đất trồng cây lâu năm,...; tác động do phát quang thực vật, tác động do tồn lưu bom mìn.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng, nước thải từ quá trình rửa xe và thiết bị máy móc; nước mưa chảy tràn,...

- Bụi và khí thải từ hoạt động phá dỡ các công trình trên đất, các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải xây dựng; quá trình thi công xây dựng các hạng mục dự án.

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng.

- Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải; máy móc thi công.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của 508 người dân tại các ô đất liền kề (LK17 đến LK33), ô đất trường học mầm non (MG2) và ô đất công cộng đơn vị ở (CC).

- Chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động của công nhân với lưu lượng lớn nhất khoảng $1,8\text{m}^3/\text{ngày đêm}/01$ công trường thi công. Thành phần chủ yếu bao gồm: Tổng N, Tổng P, BOD₅, TSS, dầu mỡ động thực vật, Coliform...

- Nước thải thi công: phát sinh chủ yếu từ quá trình rửa xe và rửa thiết bị, dụng cụ thi công. Lưu lượng lớn nhất khoảng $2,1\text{m}^3/\text{ngày đêm}/01$ công trường thi công. Thành phần chủ yếu: dầu mỡ, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn vận hành:

- Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của các hộ dân tại các ô đất liền kề (LK17 đến LK33), ô đất trường học mầm non (MG2) và ô đất công cộng đơn vị ở (CC). Tổng lượng nước thải sinh hoạt lớn nhất khoảng $132,7\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Thành phần chủ yếu của nước thải sinh hoạt là: Tổng N, Tổng P, BOD₅, TSS, dầu mỡ động thực vật, Coliform...

- Đối với nước thải ở khu vực cây xanh công cộng, bãi đỗ xe: Đơn vị được giao thực hiện, quản lý tự tính toán, chịu trách nhiệm thực hiện việc thu gom nước thải phát sinh, thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động giải phóng mặt bằng, bóc đất hữu cơ, san nền; vận chuyển nguyên vật liệu; hoạt động của máy móc thi công và thi công các hạng mục công trình; khí thải từ hoạt động cơ khí với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂,...

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động giao thông của các phương tiện đi lại xung quanh khu vực dự án, phát sinh bụi và khí thải với thành phần chủ yếu là các khí CO_x, NO_x, SO₂,...

- Mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải: Thành phần chính là khí thải: NH₃, CH₄, H₂S,....

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công trên công trường với khối lượng khoảng $20\text{kg}/\text{ngày}/\text{công trường}$. Thành phần chủ yếu bao gồm: thức ăn thừa, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, túi nilon,...

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân tại các ô đất ở. Thành phần chủ yếu của nguồn thải này gồm rác thực phẩm (thức ăn thừa, các loại thực phẩm thái bỏ, rau củ quả thái bỏ...), giấy, nilon, vải, carton, gỗ, thủy tinh, kim loại... Tổng khối lượng phát sinh khoảng $660\text{ kg}/\text{ngày}$.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ ô đất công cộng đơn vị ở (CC), trường học mầm non (MG2), cây xanh (CX), bãi đỗ xe (P03, P04): Đơn vị được giao làm Chủ dự án đầu tư, quản lý vận hành các hạng mục công trình rà soát thực hiện thủ tục môi trường riêng và tự tính toán, chịu trách nhiệm thực hiện thu gom, phân loại tại nguồn và thuê đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động phát quang thực vật phát sinh khối lượng khoảng 37,4 tấn, thành phần chủ yếu gồm: sinh khối thực vật, cành lá, đất cát bám theo rễ cây,...

- Bóc tách hữu cơ bề mặt phát sinh khối lượng khoảng 26.388,88 tấn.

- Bùn bề tự hoại từ quá trình phá dỡ khoảng 63,26m³ tương đương 94,98 tấn.

- Hoạt động phá dỡ công trình hiện trạng phát sinh phế thải xây dựng khối lượng khoảng 3.902,82 tấn; hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh phế thải xây dựng, khối lượng khoảng 262,3 tấn/giai đoạn thi công, thành phần chủ yếu gồm: Gỗ, vỏ bao xi măng, gạch vỡ, sắt thép vụn...

- Bùn từ quá trình nạo kênh mương hiện trạng có khối lượng khoảng 7.299 tấn.

b) Giai đoạn vận hành

- Đất, bùn, cát từ quá trình nạo vét hệ thống cống, rãnh thoát nước của dự án, khối lượng khoảng 25 tấn/năm.

- Bùn từ quá trình nạo vét hệ thống thoát nước thải khối lượng khoảng 7,2 tấn/năm.

- Bùn từ bề tự hoại của nhà dân khoảng 0,5 tấn/hộ/năm.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải cục bộ có khối lượng phát sinh khoảng 2,67 tấn/năm.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải nguy hại (giẻ lau, găng tay dính dầu, vải lọc dầu; đầu mẫu que hàn thải; vỏ hộp sơn và chổi quét sơn thải,...) phát sinh lớn nhất khoảng 274 kg trong toàn bộ thời gian thi công.

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các hộ dân ở ô đất liền kề chủ yếu là các danh mục sau: Pin, ắc quy thải; thiết bị, linh kiện điện tử thải, ...; giẻ lau dính chất thải nguy hại; chất hấp phụ chứa chất thải nguy hại. Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 372 kg/năm.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ ô đất công cộng đơn vị ở (CC), trường học mầm non (MG2), cây xanh (CX), bãi đỗ xe (P03, P04): Đơn vị được giao làm Chủ dự án đầu tư, quản lý vận hành các hạng mục công trình rà soát thực hiện thủ tục môi trường riêng và tự tính toán, chịu trách nhiệm thực hiện thu gom, phân loại tại nguồn và thuê đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động giải phóng mặt bằng, thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn và độ rung.

b) Giai đoạn vận hành: Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông, hoạt động của hệ thống xử lý nước thải,... phát sinh tiếng ồn và độ rung.

3.4. Các tác động khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Dự án chiếm dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 105.244m², tác động đến kinh tế xã hội, việc làm của các hộ dân bị thu hồi đất, an ninh lương thực, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

- Tác động của nước mưa chảy tràn kéo theo các tạp chất trên bề mặt công trình gây ra tác động suy giảm chất lượng nước mặt và gia tăng độ đục của nước mặt.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải ảnh hưởng đến hệ sinh thái; hệ thống kênh mương tưới tiêu nông nghiệp; hoạt động giao thông đường bộ khu vực; ảnh hưởng đến tổ chức, cá nhân tiếp giáp với dự án và có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, sụt lún công trình, tai nạn lao động, tai nạn giao thông,...

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực Dự án.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt đường giao thông, ô cây xanh,... trong khu vực dự án kéo theo một lượng các tạp chất lơ lửng và các chất ô nhiễm khác trên mặt đất.

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải tại dự án bị hư hỏng các thiết bị, chập cháy hệ thống điện, chết vi sinh... sẽ làm ngừng hoạt động toàn bộ hệ thống hoặc hệ thống hoạt động không hiệu quả dẫn đến nước thải đầu ra không đạt quy chuẩn môi trường, gây ô nhiễm môi trường nước nguồn tiếp nhận.

- Ngoài ra còn có sự cố như cháy nổ, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

Thực hiện thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải thi công xây dựng phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành của Dự án đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và các Văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể:

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh của công nhân: Được thu gom bằng các nhà vệ sinh di động bố trí trên các công trường thi công. Chủ dự án đầu tư yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút toàn bộ nước thải, bùn cặn vận chuyển xử lý theo quy định và tuân thủ khoản 4 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 31 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Nước thải thi công: Bố trí 02 cầu rửa xe tại công ra vào công trường phía Tây Bắc và phía Đông Nam của Dự án, để đảm bảo các xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường đều được phun, rửa gầm xe sạch sẽ. Cầu rửa xe có các hố lắng và vải thấm dầu. Nước thải sau khi lắng cặn và tách dầu mỡ được tái sử dụng để xịt rửa lốp xe, làm ẩm các tuyến đường xung quanh dự án không thải ra ngoài môi trường. Dầu mỡ phát sinh được lọc bằng vải chuyên dụng, định kỳ thay thế vải lọc dầu và được thu gom, xử lý như chất thải nguy hại. Định kỳ thực hiện nạo vét hố ga, hệ thống thoát nước hoặc khi hố lắng đầy, thuê đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển, xử lý đúng quy định. Khi kết thúc hoạt động thi công, Chủ dự án đầu tư yêu cầu nhà thầu xây dựng thực hiện ký Hợp đồng với đơn vị có chức năng được cấp phép theo quy định đến thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ nước thải, bùn lắng theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành:

Bố trí hệ thống thu gom nước mưa tách riêng với nước thải.

Theo Quyết định số 15504/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn Phúc Hậu (1,2) và Dục Tú (1,2,3), xã Dục Tú, huyện Đông Anh: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại Dự án được thu gom về hệ thống xử lý nước thải cục bộ tạm thời công suất dự kiến khoảng 8.500m³/ngày đêm của khu vực quy hoạch.

Trong giai đoạn trước mắt, hệ thống xử lý nước thải cục bộ chưa được đầu tư xây dựng, Chủ dự án đầu tư cam kết đầu tư xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 135m³/ngày đêm, công nghệ xử lý sinh học, là thiết bị hợp khối Composite được xây ngầm dưới ô đất cây xanh (CX05) của dự án. *(theo Văn bản số 1120/UBND-KTHT&ĐT ngày 05/4/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc thống nhất đề xuất đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải của 09 dự án đầu tư công trên địa bàn huyện Đông Anh (Số thứ tự 7, Phụ lục kèm theo).*

Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải như sau:

- Nước thải từ nhà vệ sinh (xí, tiểu) của các hộ gia đình tại ô đất liền kề (LK17 đến LK33), ô đất công cộng đơn vị ở (CC) và ô đất trường mầm non (MG2) được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn tại mỗi khối công trình; nước thải nhà bếp của các hộ gia đình, trường mầm non được thu gom qua thiết bị tách mỡ; nước thải tắm, rửa, lau sàn qua thiết bị tách rác → Bể gom → Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí (gồm ngăn thiếu khí 1 và ngăn thiếu khí 2) → Ngăn hiếu khí (gồm ngăn hiếu khí 1 và ngăn hiếu khí 2) → Ngăn lắng → Ngăn khử trùng → hệ thống thoát nước chung của khu vực ở phía Tây của Dự án trên tuyến đường Gia Lương *(theo Văn bản số 77/UBND-ĐC ngày 13/3/2025 của UBND xã Dục Tú về việc thỏa thuận đấu nối điểm thoát nước và hoàn trả hệ thống tưới tiêu thực hiện dự án).*

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; hệ số K=1,0 áp dụng cho khu dân cư 50 căn hộ trở lên).

Sau khi hệ thống xử lý nước thải khu vực được đầu tư xây dựng, hệ thống xử lý nước thải của dự án được chuyển thành trạm bơm chuyển bậc.

Chủ dự án đầu tư xây dựng lộ trình, phương án nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đảm bảo nước thải sinh hoạt của dự án được xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT theo quy định tại Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đối với nước thải ở khu vực cây xanh công cộng, bãi đỗ xe: Đơn vị được giao thực hiện, quản lý vận hành công trình rà soát tự tính toán, chịu trách nhiệm thực hiện việc thu gom, xử lý nước thải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định về môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh từ Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường theo QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, cụ thể:

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Lập hàng rào chắn cách ly xung quanh đoạn khu vực công trường thi công; sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm; khuyến khích nhà thầu thi công sử dụng các loại nhiên liệu thân thiện với môi trường; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; phun nước giảm bụi khu vực thi công và đường để phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày; thu gom chất thải rơi vãi trên công trường với tần suất 1 lần/ngày; rửa xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường; trong quá trình tập kết nguyên vật liệu, chủ dự án đầu tư yêu cầu nhà thầu bố trí khu tập kết vật liệu và quây phủ bạt để tránh phát tán bụi; phun nước tưới ẩm vật liệu xây dựng như cát, đá nhằm hạn chế bụi khuếch tán vào môi trường; trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân,...

b) Giai đoạn vận hành

Đơn vị được giao quản lý vận hành thực hiện:

- Thường xuyên thực hiện vệ sinh, quét dọn tại các tuyến đường trong và xung quanh Dự án.

- Đảm bảo diện tích cây xanh theo đúng quy hoạch. Thường xuyên chăm sóc hệ thống cây xanh, định kỳ nạo vét hệ thống thoát nước mưa.

- Biện pháp xử lý khí, mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải:

+ Khí, mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được quạt hút cưỡng bức qua ống thu khí về tháp xử lý mùi. Tại đây, khí thải được hấp phụ bằng than hoạt tính, khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn được xả ra môi trường theo ống thoát khí.

+ Tóm tắt quy trình, công nghệ xử lý: Khí, mùi → Ống thu khí → Tháp hấp phụ (than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

Thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và khoản 6 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Thực hiện phân loại rác tại công trường thi công (chất thải thực phẩm; chất thải có khả năng tái chế, chất thải rắn sinh hoạt khác chất thải thực phẩm; chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải rắn sinh hoạt khác), bố trí các thùng rác di động để phân loại rác của công nhân trên các công trường. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Phân loại chất thải rắn: Yêu cầu hộ dân thực hiện phân loại chất thải ngay tại nguồn (chất thải thực phẩm; chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải sinh hoạt khác), đóng phí vệ sinh môi trường đầy đủ.

- Đối với hộ gia đình sẽ tiến hành phân loại chất thải rắn sinh hoạt và lưu chứa trong các thùng chứa chuyên dụng. Hàng ngày, đơn vị thu gom rác vệ sinh môi trường của địa phương sẽ có trách nhiệm thu gom về điểm tập kết rác thải của địa phương và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ ô đất công cộng đơn vị ở (CC), ô đất trường mầm non (MG2) và đất cây xanh công cộng đơn vị ở (CX), bãi đỗ xe (P): Đơn vị được giao làm Chủ dự án, quản lý vận hành công trình rà soát tự tính toán, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thu gom, phân loại tại nguồn và thuê đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Thực hiện thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn thông thường đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo quy định tại Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Điều 24, 25, 33, 34 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Toàn bộ chất thải rắn từ quá trình phát quang thực vật sẽ được thu gom về khu bãi thải tạm chứa chất thải xây dựng có diện tích khoảng 100m², cạnh cổng ra vào của công trường ở phía Đông Nam dự án.

- Đối với phân bùn bề tự hoại từ quá trình phá dỡ công trình, Chủ dự án yêu cầu nhà thầu thi công ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- Toàn bộ bùn hữu cơ được tập kết tại vị trí trồng cây xanh của dự án có diện tích khoảng 100m², có bố trí bạt che phủ để tận dụng trồng cây xanh đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 10 Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Toàn bộ bùn từ quá trình nạo vét kênh mương, đất đào các hạng mục của dự án, phế thải xây dựng được phân loại và thu gom về khu tập kết bãi thải tạm trên công trường có diện tích khoảng 50m² tại mỗi công trường và được che phủ bằng bạt:

+ Đối với bùn từ quá trình nạo vét kênh mương, đất đào được tái sử dụng cho các hoạt động san lấp mặt bằng,... tại dự án;

+ Các chất thải xây dựng khác có thể san lấp được tận dụng tối đa để san lấp mặt bằng;

+ Đối với thành phần có thể tái chế sẽ được thu gom thanh lý theo quy định;

+ Phần phế thải thừa được Chủ dự án yêu cầu nhà thầu thi công ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển chất thải đi xử lý theo quy định.

- Bố trí công nhân dọn vệ sinh tại mỗi công trường có nhiệm vụ quét dọn đất cát rơi vãi khu vực xung quanh; thu dọn gọn gàng vật liệu, chất thải thi công phát sinh. Chủ đầu tư sẽ cử 02 nhân viên có trách nhiệm giám sát vệ sinh môi trường tại công trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Bùn thải từ bể tự hoại của nhà dân do các hộ thuê đơn vị chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

- Thường xuyên nạo vét bùn thải tại hệ thống thu gom nước mưa. Tần suất khoảng 06 tháng/lần.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

Đơn vị quản lý và vận hành thực hiện ký Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải theo đúng quy định.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Thực hiện trách nhiệm quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại khoản 1 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích 10m² tại mỗi công trường, có cốt nền cao, xa nguồn nước, mái tôn che, nền gạch; bố trí các thùng để thu gom, phân loại và lưu giữ chất thải nguy hại, thực hiện dán nhãn, ghi mã số, gắn biển cảnh báo theo quy định. Chủ dự án yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện ký Hợp đồng với đơn vị có giấy phép môi trường thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành:

- Yêu cầu các công trình trong các lô đất tại Dự án phải có phương án thu gom, phân loại và lưu giữ chất thải nguy hại đúng quy định.

- Đối với chất thải nguy hại phát sinh tại các ô đất liền kề: Bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại cạnh khu vực xử lý nước thải (tại ô đất cây xanh CX05), diện tích khoảng 10m², kho được trang bị các thùng chứa chuyên dụng đảm bảo lưu chứa an toàn không tràn đổ chất thải ra môi trường, thực hiện thu gom, lưu giữ riêng biệt, phân loại bằng dán nhãn tên, ghi mã số chứa chất thải nguy hại và gắn biển cảnh báo theo quy định. Ký hợp đồng với đơn vị có giấy phép thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ ô đất công cộng đơn vị ở (CC), ô đất trường mầm non (MG2) và đất cây xanh công cộng đơn vị ở (CX), bãi đỗ xe (P): Đơn vị được giao Chủ dự án đầu tư, quản lý vận hành rà soát thực hiện thủ tục môi trường riêng và tự tính toán, chịu trách nhiệm thực hiện thu gom, phân loại tại nguồn và thuê đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng các quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung từ ngày 01/01/2027.

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Sử dụng máy móc, phương tiện thi công, phương tiện chuyên chở vật liệu xây dựng đạt tiêu chuẩn kỹ thuật; thường xuyên bảo dưỡng thiết bị, máy móc.

- Bố trí thời gian thi công hợp lý.
- Che chắn xung quanh đoạn khu vực công trường thi công.
- Dùng các kết cấu dàn hồi giảm rung; kiểm tra mức độ ồn trong khu vực thi công để bố trí lịch thi công cho phù hợp và đạt mức độ ồn cho phép.
- Hạn chế vận hành các thiết bị đồng thời và tắt các máy móc khi không cần thiết.
- Sử dụng các thiết bị có mức rung thấp; ghi nhận hiện trạng công trình trước khi thi công; đền bù nếu hoạt động thi công gây rung lắc hư hại đến công trình.

b) Giai đoạn vận hành

- Thực hiện việc trồng cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích đất trồng cây xanh theo quy định.
- Thực hiện thường xuyên duy tu bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật dự án.
- Quy định tốc độ lưu thông của các loại xe tham gia giao thông trong dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp giảm thiểu tác động của hoạt động thu hồi đất.
- Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông: Đặt các biển báo, chỉ dẫn, cảnh báo công trường đang thi công. Bố trí công nhân điều tiết, phân luồng giao thông khu vực ra vào công trường.
- An toàn lao động: Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cần thiết theo quy định; xây dựng và ban hành các nội quy về làm việc trên công trường; hệ thống biển báo theo quy định;...
- Phòng chống cháy nổ: Xây dựng và ban hành nội quy phòng cháy chữa cháy; trang bị các phương tiện chữa cháy tuân thủ theo quy định,...
- Sự cố sụt lún công trình: Thi công đúng thiết kế, phạm vi dự án; kiểm tra mức rung của các máy móc thiết bị (xe tải, máy lu, đầm...) và đưa ra phương pháp giảm rung phù hợp; phối hợp với đơn vị quản lý các công trình thủy lợi và các hộ dân để theo dõi sụt lún, rạn nứt các công trình, khi xảy ra sụt lún mà nguyên nhân được xác định là do hoạt động của dự án thì tạm dừng thi công. Khi xảy ra sự cố sụt lún, nứt, đổ các công trình, Chủ dự án phối hợp với các bên liên quan tiến hành đánh giá mức độ thiệt hại, khắc phục sự cố nếu thiệt hại gây ra được xác định là do hoạt động thi công của dự án.
- Phòng ngừa sự cố do mưa bão, ngập lụt: Ngoài việc điều chỉnh tiến độ thi công hợp lý có cân nhắc đến các yếu tố thời tiết, Dự án sẽ ưu tiên tiến hành thi công hệ thống thoát nước trước nhằm đảm bảo khả năng thoát nước tối đa dọc tuyến, tránh xảy ra tình trạng úng ngập do thời tiết.
- Thi công theo đúng quy định, trình tự, theo đúng phương án thiết kế, hoạt động trong thời gian quy định, sử dụng máy móc hiện đại; tăng cường kiểm soát không để công nhân san gạt đất, chất thải; kết thúc thi công tiến hành dọn dẹp hoàn trả mặt bằng hiện trạng.
- Nước mưa chảy tràn: Bố trí hệ thống rãnh thu nước, các hố ga lắng cặn có lưới chắn để thu gom rác sau đó chảy vào hệ thống thoát nước của khu vực. Thực hiện nạo vét hố ga 01 lần/tuần vào mùa mưa và 01 lần/tháng và thuê đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thực hiện che chắn nguyên vật liệu xây dựng và

khu tập kết chất thải,..., kho tập kết đặt ở nơi cao ráo, tránh để nước mưa chảy tràn cuốn theo vật liệu xây dựng xuống nguồn nước mặt.

b) Giai đoạn vận hành

- Đảm bảo an toàn giao thông: Lắp đặt các biển báo giao thông trên tất cả các đoạn đường trong khu vực Dự án,...

- Phòng chống cháy nổ: Bố trí các trụ cứu hỏa, họng lấy nước chữa cháy đáp ứng theo tiêu chuẩn chữa cháy,...

- Sự cố ngập úng: Khơi thông cống rãnh hàng năm; thường xuyên vệ sinh bề mặt, làm tốt công tác vệ sinh môi trường khu vực dự án; sử dụng máy bơm để bơm thoát nước ra điểm xả theo quy định khi có ngập lụt xảy ra.

- Thực hiện thường xuyên duy tu bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật dự án; chăm sóc, cắt tỉa cây xanh; vệ sinh mặt đường; nạo vét hệ thống cống thoát nước; thu gom rác dọc tuyến đường trong dự án.

- Phòng ngừa và ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Định kỳ bảo dưỡng và vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải.

+ Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống thu gom nước thải phát sinh từ dự án về hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn nước thải, kiểm tra các vị trí đầu nối; khi xảy ra sự cố phải thông báo với bộ phận quản lý, yêu cầu hạn chế các hoạt động phát sinh nước thải tại khu vực xảy ra sự cố để khắc phục.

+ Bố trí thiết bị, máy bơm, máy phát điện tại tất cả các hệ thống có 01 máy chạy, 01 máy dự phòng (hoạt động luân phiên), đảm bảo khi có sự cố sẽ được sửa chữa và hệ thống vẫn hoạt động bình thường.

+ Khi sự cố xảy ra cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án phải thông báo với bộ phận quản lý, yêu cầu hạn chế các hoạt động phát sinh nước thải tại khu vực xảy ra sự cố.

+ Phương án ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung: Khi trường hợp xảy ra sự cố tại một trong các ngăn chứa, nước thải sẽ được bơm chứa tạm sang các ngăn xử lý sơ bộ (bể gom, ngăn điều hòa) lưu chứa trong khoảng 10 giờ để khắc phục, đảm bảo được việc chứa nước thải cho việc các thiết bị hỏng được thay thế kịp thời, hệ thống được vận hành trở lại trong thời gian xảy ra sự cố. Cam kết không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường trong thời gian xảy ra sự cố. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay và thời gian khắc phục lâu hơn thời gian lưu chứa của bể điều hòa, đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải sẽ báo đến các hộ dân để thực hiện các biện pháp sử dụng tiết kiệm nước, đồng thời sẽ thuê đơn vị chức năng đến hút, vận chuyển nước thải đi xử lý theo quy định.

- Hệ thống thu gom nước mưa:

+ Theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư các thôn Phúc Hậu (1,2) và Dục Tú, huyện Đông Anh theo Quyết định số 15504/QĐ-UBND ngày 09/12/2023 của UBND huyện Đông Anh đã được phê duyệt. Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng, nước mưa trên tuyến đường được thu gom vào các tuyến cống dọc qua các ga thu trực tiếp và đầu nối thoát vào tuyến cống thoát nước mưa trên đường quy hoạch B=60m nối từ Cầu Tứ Liên đến QL3 mới nằm ở phía Đông của dự án sau đó thoát về mương Thạc Quả ở phía Đông nằm ngoài ranh giới dự quy hoạch (theo Quyết định số 15504/QĐ-UBND ngày 09/12/2023 của UBND huyện Đông Anh về Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư các

thôn Phúc Hậu (1,2) và Dục Tú, huyện Đông Anh).

+ Theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư các thôn Phúc Hậu (1,2) và Dục Tú, huyện Đông Anh đã được phê duyệt tại Quyết định số 15504/QĐ-UBND ngày 09/12/2023 của UBND huyện Đông Anh, hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng. Nước mưa trên tuyến đường được thu gom vào các tuyến cống dọc qua các ga thu trực tiếp và đầu nối thoát vào tuyến cống thoát nước mưa trên đường quy hoạch B=60m nối từ Cầu Tứ Liên đến QL3 mới nằm ở phía Đông của dự án, sau đó thoát về mương Thạc Quả ở phía Đông, ngoài ranh giới dự án.

+ Trước mắt, nước mặt của dự án sau khi được thu gom xử lý lắng cặn qua các hố ga được đặt dưới lòng đường của các tuyến đường quy hoạch và bố trí các cống BTCT kích thước BxH=0,6x0,4m; BxH=0,6x0,6m; BxH=0,8x0,6m; BxH=0,8x0,8m có bố trí các hố ga và được thoát vào kênh tiêu M13 hiện có nằm ở phía Đông của khu đất để tiêu thoát ra hệ thống kênh tiêu Thạc Quả do Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Hà Nội quản lý (theo Văn bản số 62/TLHN-QLN.CT ngày 06/3/2025 về việc *thoả thuận thoát đầu nối thoát nước và hoàn trả kênh mương thủy lợi thuộc Dự án*). Thực hiện nạo vét hố ga 06 tháng/lần và thuê đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng

Tuân thủ các quy định kỹ thuật quan trắc và quản lý thông tin dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a. Giám sát môi trường không khí xung quanh:

Theo đề xuất của Chủ dự án đầu tư:

- Vị trí giám sát: 03 vị trí (KK1: cổng công trường phía Tây Bắc, KK2: cổng công trường phía Đông Nam và KK3: khu vực hàng rào phía Nam dự án nơi gần khu dân cư thôn Phúc Hậu 1).

- Thông số giám sát: SO₂, CO, NO₂, tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần, trong suốt thời gian thi công dự án.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng và QCVN 27:2010/BTNMT về độ rung.

b. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

Dự án thuộc đối tượng phải cấp Giấy phép môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Theo đó, nội dung giám sát chi tiết sẽ được thực hiện theo quy định tại Giấy phép môi trường

do cơ quan có thẩm quyền cấp và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

5.3. Giám sát khác

- Giám sát công tác phòng cháy, chữa cháy: thực hiện thường xuyên, báo cáo định kỳ gửi cơ quan có thẩm quyền.

- Giám sát thường xuyên hiện tượng sụt lún, hư hại các hạng mục công trình trong thời gian bảo hành công trình khoảng 24 tháng.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án đầu tư sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường của Chủ dự án đầu tư, nhà thầu thi công trong thi công công trình xây dựng Dự án và theo chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-BXD ngày 16/01/2023 của Bộ Xây dựng.

- Tuân thủ việc xây dựng theo đúng quy hoạch và quy định; Báo cáo đánh giá tác động môi trường này chỉ phục vụ mục đích bảo vệ môi trường, không có giá trị pháp lý thay cho mục đích liên quan đến đất đai, quy hoạch và xây dựng.

- Chủ dự án đầu tư phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND thành phố Hà Nội, các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

- Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm, cảnh báo giao thông trong khu vực thi công; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông của khu vực cũng như đời sống, sinh kế của dân cư xung quanh; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện các giải pháp kỹ thuật phù hợp nhằm ngăn chặn và giảm thiểu các sự cố ngập lụt, sạt lở phát sinh do việc xây dựng Dự án; lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường khác phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo quy định tại Mục 2 Chương X Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.

- Đảm bảo có biện pháp, kế hoạch, nguồn lực để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án; thực hiện đầy đủ các ý kiến đã tiếp thu trong quá trình tham vấn.

- Phải có giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ

sung tại khoản 19 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) gửi tới UBND thành phố Hà Nội, Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, UBND huyện Đông Anh để quản lý.

- Cập nhật công trình bảo vệ trường được duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường vào nội dung dự án đầu tư.

- Chủ dự án đầu tư phải xây dựng lộ trình và phương án nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, bảo đảm nước thải sinh hoạt của dự án được xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT theo quy định tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và báo cáo UBND huyện hoặc UBND xã (trong trường hợp thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp) phê duyệt phương án quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải sau đầu tư, bảo đảm hệ thống được vận hành liên tục và đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

- Đảm bảo tính khả thi khi thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án đầu tư sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc xây dựng, thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường./.